

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG

Địa chỉ: Xã Trung Trác - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2012

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|-------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 2-3 |
| 2. Báo cáo kết quả công tác soát xét | 4 |
| 3. Báo cáo tài chính đã được soát xét | |
| - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ | 5-6 |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | 7-8 |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 9 |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ | 10-28 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của HĐQT và Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang (sau đây viết tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0503000223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 16/05/2007 và thay đổi lần 3 số 0900233261 ngày 08/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở tại: Xã Trung Trác - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính có:

Hội đồng quản trị:

| | |
|------------------------|---------------|
| 1 Ông Nguyễn Văn Quảng | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Phan Thế Nam | Ủy viên |
| 3 Ông Nguyễn Văn Kha | Ủy viên |
| 4 Ông Hoàng Anh Sơn | Ủy viên |
| 5 Bà Nguyễn Thị Hằng | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

| | |
|------------------------|-------------------|
| 1 Ông Nguyễn Văn Quảng | Tổng Giám đốc |
| 2 Bà Nguyễn Diệu Linh | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Hoàng Anh Sơn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4 Ông Dương Văn Doanh | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát:

| | |
|------------------------|------------|
| 1 Bà Nguyễn Thu Thủy | Trưởng ban |
| 2 Ông Nguyễn Văn Giang | Thành viên |
| 3 Ông Đồng Xuân Hồng | Thành viên |

Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội là công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các phạm vi khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang**



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quảng
Hưng Yên, ngày 10 tháng 07 năm 2012



Số: 292/BCKT - TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang*

Kính gửi :

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc cùng ngày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác Kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231/KTV



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 294.921.117.583 | 250.734.447.445 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1.417.351.236 | 3.193.113.846 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 1.417.351.236 | 3.193.113.846 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 990.782.840 | 264.500.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 1.623.060.000 | 569.717.160 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT NH(*) | 129 | | (632.277.160) | (305.217.160) |
| III. Các khoản phải thu | 130 | V.03 | 77.688.008.530 | 35.451.627.927 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 61.827.243.029 | 29.866.691.045 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 15.846.899.815 | 1.023.858.826 |
| 3. Phải thu nội bộ | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ XD | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | | 13.865.686 | 4.561.078.056 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 203.838.953.256 | 200.475.348.894 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.04 | 203.838.953.256 | 200.475.348.894 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.986.021.721 | 11.349.856.778 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 24.460.180 | 38.892.084 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 10.304.886.100 | 10.857.352.206 |
| 3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 656.675.441 | 453.612.488 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 30.577.042.692 | 26.436.654.859 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 30.474.926.844 | 26.289.023.329 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.05 | 29.421.600.488 | 25.024.079.440 |
| - Nguyên giá | 222 | | 36.902.046.314 | 31.142.708.773 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (7.480.445.826) | (6.118.629.333) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.06 | 1.011.017.700 | 1.027.065.600 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.183.621.800 | 1.183.621.800 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (172.604.100) | (156.556.200) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.07 | 42.308.656 | 237.878.289 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 102.115.848 | 147.631.530 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.08 | 102.115.848 | 147.631.530 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 325.498.160.275 | 277.171.102.304 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| I | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 221.904.622.783 | 174.498.967.092 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 217.199.706.146 | 174.117.394.343 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.09 | 102.020.413.260 | 94.646.663.660 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.10 | 111.708.454.641 | 77.538.337.035 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.11 | 1.449.450.004 | 773.747.518 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.12 | 923.732.917 | 913.751.964 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 247.217.428 | 244.894.166 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.13 | 817.421.167 | |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.14 | 33.016.729 | |
| II. Nợ dài hạn | | | 4.704.916.637 | 381.572.749 |
| 1. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.15 | 4.672.983.888 | 349.640.000 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 31.932.749 | 31.932.749 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 103.593.537.492 | 102.672.135.212 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 103.593.537.492 | 102.672.135.212 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 3.593.537.492 | 2.672.135.212 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 325.498.160.275 | 277.171.102.304 |

Kế toán trưởng



Phan Thị Hoài Thương

Hưng Yên, ngày 10 tháng 07 năm 2012



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quảng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang

Địa chỉ: Xã Trung Trác - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Đơn vị tính: đồng | | | | | |
|---|-------|-------------|-------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------|--|
| | | | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | | Năm trước | |
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước | | |
| I | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.17 | 106.107.611.315 | 90.699.246.892 | 228.594.522.280 | 216.694.573.509 | | |
| 2. Các khoản giảm trừ + Giảm giá hàng bán + Hàng bán bị trả lại | 03 | VI.18 | 780.723.620 | 437.905.885 9.272.907 | 972.858.620 | 483.299.959 9.272.907 | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | 10 | VI.19 | 105.326.887.695 | 90.261.341.007 | 227.621.663.660 | 216.211.273.550 | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.20 | 97.996.017.127 | 83.436.399.027 | 214.628.432.587 | 199.248.201.975 | | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV | 20 | | 7.330.870.568 | 6.824.941.980 | 12.993.231.073 | 16.963.071.575 | | |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.21 | 219.916.708 | 406.118.900 | 791.182.338 | 441.729.271 | | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.22 | 4.213.733.712 | 3.363.833.119 | 8.177.422.080 | 7.978.749.351 | | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.570.428.324 | 2.971.486.059 | 7.130.681.608 | 5.377.706.245 | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 472.583.079 | 585.872.442 | 966.271.389 | 1.065.336.199 | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.134.186.791 | 1.258.617.669 | 2.518.513.620 | 2.366.464.815 | | |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.730.283.694 | 2.022.737.650 | 2.122.206.322 | 5.994.250.481 | | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 4.362 | 2.573 | 45.459.283 | 25.936.174 | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 8.575 | 7.208.525 | 12.380 | 484.190.509 | | |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (4.213) | (7.205.952) | 45.446.903 | (458.254.335) | | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 1.730.279.481 | 2.015.531.698 | 2.167.653.225 | 5.535.996.146 | | |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.23 | 541.913.306 | 680.233.906 | | | | |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | | | | | | |



01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ | |
|--|-------|-------------|---------------|---------------|-------------------------------|---------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| I | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 1.188.366.175 | 2.015.531.698 | 1.487.419.319 | 5.535.996.146 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | | 118,84 | 201,55 | 148,74 | 553,60 |

Kế toán trưởng



Phan Thị Hoài Thương

Hồng Yên, ngày 10 tháng 07 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN QUANG
H. VAN LA M. T. HUU

Nguyễn Văn Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

| Chi tiêu | Mã số | Đơn vị tính: đồng | |
|--|-----------|-------------------------|-------------------------|
| | | 6 tháng đầu năm 2012 | 6 tháng đầu năm 2011 |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 209.375.119.004 | 248.821.601.310 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | (177.406.427.052) | (224.958.423.036) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (1.912.366.968) | (1.546.008.803) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (7.077.378.221) | (5.377.706.245) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (183.265.063) | (1.639.070.850) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 3.517.049.872 | 399.415.547 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (25.938.888.940) | (11.126.415.632) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 373.842.632 | 4.573.392.291 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (5.464.690.909) | (1.666.187.726) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (3.405.302.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 4.500.000.000 | 3.401.046.385 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 569.904.583 | 101.082.232 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (394.786.326) | (1.569.361.109) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành | 32 | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 179.036.219.934 | 194.139.219.960 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (180.791.038.850) | (193.824.156.691) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.754.818.916) | 315.063.269 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (1.775.762.610) | 3.319.094.451 |
| Tiến và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 3.193.113.846 | 1.257.266.191 |
| ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | | |
| Tiến và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 1.417.351.236 | 4.576.360.642 |

Kế toán trưởng



Phan Thị Hoài Thương

Hưng Yên, ngày 10 tháng 07 năm 2012



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Quảng

